

Bản án số: 14/2019/HS-ST
Ngày 09-10-2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Miên.
2. Ông Nguyễn Văn Kiệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Yến là Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Liệt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 14/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 9 năm 2019 và thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử sơ thẩm số 455/TB-TA ngày 02 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Hàng Sà M, sinh năm 1960, tại ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nghề nghiệp làm ruộng; trình độ văn hoá 5/12; dân tộc: Khmer; giới tính: Nam; tôn giáo: Đạo phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hàng P (chết) và bà Huỳnh Thị P2 (sống); có vợ Lý Thị N và 04 con, lớn nhất 36 tuổi, nhỏ nhất 34 tuổi; tiền án không; tiền sự không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/7/2019 (bị cáo có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Lương Thị Ngọc H1 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ: phường S, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị hại: Lý Thị R1; nơi cư trú ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Người làm chứng:

1. Hàng R2;
2. Lý Thị N;
3. Hàng Sà P2 (tên gọi khác: M2);

4. Hàng Minh D (tên gọi khác: R3);

5. Huỳnh Thị Thu H2;

6. Hàng Sà M3;

Cùng nơi cư trú ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

7. Lâm S; nơi cư trú ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Người phiên dịch tiếng Khmer: Anh Lý Đô R4, nơi công tác: Trường Tiểu học P, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Tất cả đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tối ngày 28 tháng 4 năm 2019, tại nhà của Hàng Sà R5 (em ruột của bị cáo) cư trú cùng ấp B, xã T tổ chức đám thôi nôi cho con, có mời khách ăn uống và hát nhạc sống. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày thì Hàng R2, con trai của bị cáo lên hát tiếng Việt thì có Hàng Sà M3 là anh trai của bị cáo cũng là bác ruột của R2 nói với R2 “Có hát thì hát tiếng Khmer để nhiều người nhảy cho vui, đừng hát nhạc Việt”, R2 bức xúc ném bỏ micro rồi kiếm chuyện với ông M3, thì được mọi người can ngăn. Khoảng 15 phút sau, R2 đánh ông M1 cái làm ông M3 té, mọi người can ngăn thì R2 về nhà lấy cây búa (loại búa đóng đinh) thì được mọi người giật lại, R2 bị Hàng Sà P3 là con của ông M3 xô té và đè đánh R2, Hàng Minh D là em ruột của P3 cũng nhào vô đánh R2, thấy vậy bà Lý Thị N mẹ ruột của R2 chạy lại cầm cục gạch đánh vào đầu của D gây thương tích nhẹ; Lý Thị R1 mẹ của D và P3 cũng cầm cục gạch nhưng chưa đánh được ai thì bị bị cáo Hàng Sà M1 là cha ruột của R2 cầm cây ty phuộc xe bằng kim loại (hàng ngày dùng đập nước đá) từ nhà chạy đến, dùng tay phải đánh 01 cái từ trên xuống trúng vào đầu của bị hại R1 gây thương tích. Lý Thị R1 được đưa đến bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng điều trị đến ngày 02 tháng 5 năm 2019 thì xuất viện. Sau đó, bị hại làm đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 142/TgT-PY ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Trung tâm pháp Y thuộc Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng kết luận: Lý Thị R1, sinh năm 1963; giới: Nữ; địa chỉ ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

1. Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo mất tóc vùng thái dương - đỉnh phải, kích thước: 03cm x 0,8cm. Không yếu liệt chi, không dấu tổn thương thần kinh khu trú.

2. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tính theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12 tháng 6 năm 2014 của Bộ y tế, hiện tại là 05% (năm phần trăm).

3. Kết luận khác: Tổn thương do vật tày gây nên.

Về vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M thu giữ 01 thanh kim loại màu trắng, có chiều dài 36cm, vòng tròn 8,5cm.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã khắc phục cho bị hại số tiền 5.385.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo như đã nêu trên.

Tại phiên tòa, bị hại Lý Thị R1 thống nhất với bản cáo trạng và đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật; yêu cầu bị cáo bồi thường thêm về trách nhiệm dân sự về tiền ngày công lao động 06 ngày x 180.000 đồng/ngày = 1.080.000 đồng và tổn thất về tinh thần với số tiền tương đương 07 tháng lương cơ sở x 1.490.000 đồng = 10.430.000 đồng. Tổng cộng 11.510.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 16/CT-VKS-MT ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng đã truy tố bị cáo Hàng Sà M1 về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội cố ý gây thương tích đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo, đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm. Về trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 06 ngày công lao động với số tiền 1.080.000 đồng và tổn thất về tinh thần với số tiền tương đương 07 tháng lương cơ sở với số tiền 10.430.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường đề nghị hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo, bị hại. Về vật chứng của vụ án căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu và tiêu hủy 01 thanh kim loại màu trắng, có chiều dài 36cm, vòng tròn 8,5cm.

Bị cáo tự bào chữa: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Bà Lương Thị Ngọc H – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sóc Trăng trình bày lời bào chữa cho bị cáo: Người bào chữa thống nhất về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo do Kiểm sát viên đề nghị, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn, có nơi cư trú rõ ràng, căn cứ vào Điều 65 Bộ luật hình sự và Điều 1, Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Về trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 06 ngày công lao động với số tiền 1.080.000 đồng và tổn thất về tinh thần với số tiền tương đương 07 tháng lương cơ sở với số tiền 10.430.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo, bị hại.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo biết lỗi, bị cáo không kiềm chế được, xin Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] **Về tố tụng:** Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người làm chứng không có ý kiến hay khiếu nại đối với hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M, Viện kiểm sát nhân dân huyện M. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại và những người làm chứng; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập được nên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Vào khoảng 20 giờ 30 phút ngày 28 tháng 4 năm 2019, Hàng R2, con trai của bị cáo lên hát tiếng Việt thì có Hàng Sà M3 là anh trai của bị cáo cũng là bác ruột của R2 nói với R2 “Có hát thì hát tiếng Khmer để nhiều người nhảy cho vui, đừng hát nhạc Việt”, R2 bức xúc ném bỏ micro rồi kiếm chuyện với ông M3, thì được mọi người can ngăn. Khoảng 15 phút sau, R2 lại đánh ông M1 cái làm ông M3 té, mọi người can ngăn thì R2 về nhà lấy cây búa (loại búa đóng đinh) thì được mọi người giật lại, R2 bị Hàng Sà P3 là con của ông M3 xô té và đè đánh R2, Hàng Minh D là em ruột của P3 cũng nhào vô đánh R2, thấy vậy bà Lý Thị N mẹ ruột của R2 chạy lại cầm cục gạch đánh vào đầu của D gây thương tích nhẹ; Lý Thị R1 mẹ của D và P3 cũng cầm cục gạch nhưng chưa đánh được ai thì bị bị cáo Hàng Sà M1 là cha ruột của R2 cầm cây ty phuộc xe bằng kim loại từ nhà chạy đến, dùng tay phải đánh 01 cái từ trên xuống trúng vào đầu của bị hại R1 gây thương tích. Lý Thị R1 được đưa tới bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng điều trị đến ngày 02 tháng 5 năm 2019 thì xuất viện. Sau đó, bị hại làm đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

[4] Tại bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 142/TgT-PY ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng kết luận: Lý Thị R1, sinh năm 1963; giới: Nữ; địa chỉ ấp B, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

[4.1] 1. Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo mất tóc vùng thái dương - đỉnh phải, kích thước: 03cm x 0,8cm. Không yếu liệt chi, không dấu tổn thương thần kinh khu trú.

[4.2] 2. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tính theo Thông tư số 20/2014/TT-BYT ngày 12 tháng 6 năm 2014 của Bộ y tế, hiện tại là 05% (năm phần trăm).

[4.3] 3. Kết luận khác: Tồn thương do vật tày gây nên.

[5] Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 134 Bộ luật hình sự. Bị cáo thấy con của mình bị đánh nằm trên sân, bị cáo không tìm hiểu nguyên nhân như thế nào và do ai đánh con mình để báo chính quyền địa phương xử lý mà bị cáo chạy về nhà lấy cây ty thuộc xe bằng kim loại màu trắng dài 36cm, vòng tròn 8,5cm đến chỗ con bị cáo đang nằm, bị cáo thấy bị hại R1 cầm cục gạch đứng cách chỗ con bị cáo khoảng 01m, bị cáo lấy cây ty thuộc xe bằng kim loại từ trong người ra, cầm bằng tay phải đi đến gần bị hại R1 rồi đánh từ trên xuống trúng vào đầu của bị hại 01 cái gây thương tích, kết quả giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể của bị hại R là 05%. Bị cáo dùng cây ty thuộc xe bằng kim loại dài 36cm, vòng tròn 8,5cm, đây là hung khí nguy hiểm nên thuộc tình tiết định khung “Dùng hung khí nguy hiểm”, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[6] Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được sức khỏe, thân thể của người khác là bất khả xâm phạm, mọi hành vi xâm hại, gây tổn hại đến sức khỏe, thân thể của người khác đều bị pháp luật trừng trị. Bị cáo nhận thức được việc dùng cây ty thuộc xe bằng kim loại đánh vào đầu của người khác là có thể gây thương tích và có thể dẫn đến tử vong nhưng chỉ vì bị cáo thấy con của bị cáo (Hàng R2) bị đánh và bị hại đang cầm cục đá đứng gần chỗ con của bị cáo mà bị cáo đã dùng cây ty thuộc xe bằng kim loại đánh vào đầu của bị hại gây thương tích cho bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng nhưng rất nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về cơ thể của người khác do pháp luật hình sự bảo vệ, đặc biệt là ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương. Vì vậy, cần thiết xử phạt tù thật nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo để bị cáo có thời gian học tập, cải tạo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, biết tôn trọng pháp luật và phòng ngừa chung đối với mọi người là phải biết cách xử sự với nhau có chừng mực, phù hợp với quy tắc xử sự trong cuộc sống.

[7] Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo như sau: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại về chi phí điều trị cho bị hại với số tiền 5.385.000 đồng; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi phạm tội bị cáo không có tiền án, tiền sự, bị cáo là người dân tộc Khmer sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này, bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân nơi cư trú, chưa bao giờ bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính, có khả năng tự cải tạo, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, là người dân tộc Khmer sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó

khẩn, phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội và phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo (Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xử bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của Nhà nước mà cố gắng cải tạo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[8] Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo tù 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả về chi phí điều trị cho bị hại với số tiền 5.385.000 đồng. Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 06 ngày công lao động x 180.000 đồng/01 ngày với số tiền là 1.080.000 đồng và tổn thất về tinh thần với số tiền tương đương 07 tháng lương cơ sở với số tiền 10.430.000 đồng, tổng cộng 11.510.000 đồng, bị cáo đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền ngày công lao động và số tiền tổn thất về tinh thần theo yêu cầu của bị hại, Hội đồng xét xử xét thấy đây là ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại nên căn cứ vào khoản 2 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584 và Điều 590 Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền về ngày công lao động và tổn thất về tinh thần tổng cộng 11.510.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Về xử lý vật chứng: Kiểm sát viên đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[11] Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M thu giữ 01 thanh kim loại màu trắng, có chiều dài 36cm, vòng tròn 8,5cm, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M đã chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự huyện M quản lý theo Quyết định chuyển vật chứng số 16/QĐ.VKS ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M và biên bản giao nhận vật chứng ngày 10 tháng 9 năm 2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M với Chi cục thi hành án dân sự huyện M. Hội đồng xét xử xét thấy đây là công cụ bị cáo dùng để gây thương tích cho bị hại và không có giá trị nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu hủy.

[12] Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo là người bị kết án nên phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 575.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tuy nhiên, bị cáo là người dân

tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên bị cáo được miễn nộp toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Hàng Sà M1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1. Căn cứ vào: Điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hàng Sà M1 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án (ngày 09 tháng 10 năm 2019).

Giao bị cáo Hàng Sà M1 cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 48 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584 và Điều 590 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Hàng Sà M1 bồi thường cho bị hại Lý Thị R1 06 ngày công lao động với số tiền là 1.080.000 đồng và tổn thất về tinh thần với số tiền tương đương 07 tháng lương cơ sở là 10.430.000 đồng. Tổng cộng 11.510.000 đồng (mười một triệu năm trăm mười nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bị hại Lý Thị R1 có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị cáo còn phải trả lãi cho bị hại theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Về vật chứng: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu hủy: 01 thanh kim loại màu trắng, có chiều dài 36cm, vòng tròn 8,5cm theo Quyết định chuyển vật chứng số 16/QĐ.VKS ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M và biên bản giao nhận vật chứng ngày 10 tháng 9 năm 2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M với Chi cục thi hành án dân sự huyện M.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Hàng Sà M1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 575.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn thuộc trường hợp được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên bị cáo được miễn nộp toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại;
- VKSND huyện M;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện M;
- CAND huyện M (CQTHAHS, Đội điều tra);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (Phòng KTNV&THA);
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn